

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

*(V/v yêu cầu tuyên bố một người đã chết)*

**TÒA ÁN N DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Thu H.

***Thư ký phiên họp:*** Bà Vũ Nhật L.

***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện K tham gia phiên họp:***  
Bà Lê Thị T - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân huyện K mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2021/TLST- DS, ngày 05/10/2021 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người đã chết” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***\*/ Người yêu cầu:*** Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1960 (Vắng mặt có lý do).

Trú tại: Thị tứ B, xã H2, huyện K, tỉnh H1.

***\*/ Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1954;
2. Bà Đỗ Thị M1, sinh năm 1957;
3. Ông Đỗ Xuân H3, sinh năm 1960;
4. Đỗ Thị N, sinh năm 1965;
5. Bà Đỗ Thị H4, sinh năm 1968;
6. Ông Bùi Đình B1, sinh năm 1973;
7. Chị Bùi Thị Kiều L2, sinh năm 1993;
8. Chị Bùi Thùy L3, sinh năm 1998.

Đều trú tại: thôn C, xã H2, huyện K, tỉnh H1 (Đều vắng mặt có lý do).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, biên bản lấy lời khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Đỗ Thị M trình bày: Bố, mẹ bà M là cụ Đỗ Xuân P, (sinh năm 1926, bỏ đi biệt tích ngày 15/6/1975 âm lịch tức ngày 23/7/1975 dương lịch) và cụ Hoàng Thị V (sinh năm 1922, mất năm 1918) là người ở thôn C, xã H2, huyện K, tỉnh H1. Bố mẹ bà kết hôn hợp pháp và sinh được 07 người con lần lượt là: Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1954; Bà Đỗ Thị M1, sinh năm 1957; Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1960; Ông Đỗ Xuân H3, sinh năm 1962 (trong CMTND ông H3 khai là sinh năm 1960); Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1965; Bà Đỗ Thị H4, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị P1, sinh năm 1973 mất năm 2016 ( có chồng là ông Bùi Đình B1, sinh năm 1973 và 02 con là chị Bùi Thị K1 L2, sinh năm 1993 và chị Bùi Thùy L3, sinh năm 1998). Tất

cả những người nêu trên đều đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thôn C, xã H2, huyện K, tỉnh H1 chỉ có bà M là đăng ký HKTT và trú tại thị tứ B, xã H2, huyện K, tỉnh H1.

Ngoài ra, bố mẹ bà không có vợ, có chồng, có con riêng hay con nuôi nào khác. Sau khi kết hôn, bố mẹ bà M là cụ P và cụ V làm ăn sinh sống tại thôn C, xã H2, huyện K, tỉnh H1. Sức khỏe và tâm thần của cụ P hoàn toàn bình thường, gia đình không có mâu thuẫn với nhau, cũng không có khúc mắc gì với ai. Vào ngày 15/6/1975 (âm lịch) tức ngày 23/7/1975 (dương lịch), cụ P đột ngột bỏ đi khỏi nhà, không thông báo cho ai, không nói đi đâu, làm gì. Sau khi cụ P bỏ đi thì gia đình gồm con cháu, họ hàng thân thích cũng đã dò hỏi, đi tìm kiếm khắp nơi nhưng 46 năm qua kể từ khi cụ bỏ đi cho đến nay, gia đình không có thông tin, manh mối gì liên quan đến cụ P, không biết cụ P đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Do ngày xưa phương tiện thông tin địa chúng còn hạn chế, anh chị em bà M đều thuần nông và còn ít tuổi nên cũng chưa có điều kiện đăng thông báo trên đài tiếng nói Việt Nam hay báo chí. Gia đình bà đã chia nhau đi tìm, hỏi thăm ở các chùa ch4, nhà người thân quen, thậm trí bất kỳ ở đâu có thông tin người đi lạc hay bị tai nạn, đuối nước... gia đình đều tìm đến xem có phải cụ P hay không nhưng đều không có thông tin. Vì không biết thông tin gì của cụ P, không biết cụ P còn sống không, nên gia đình đã lấy ngày cụ P bỏ đi là ngày 15/6/1975 (âm lịch) tức ngày 23/7/1975 (dương lịch) để làm ngày cúng giỗ cho cụ hàng năm từ năm 1975 cho đến nay. Cụ P từ khi sinh ra cho đến trước khi đi biệt tích đều sinh sống tại thôn C, xã H2, huyện K, tỉnh H1. Trong tất cả các con của cụ P thì có bà Đỗ Thị P1, sinh năm 1973 mất năm 2016. Bà Phương có chồng là ông Bùi Đình B1, sinh năm 1973 và 02 con là chị Bùi Thị Kiều L2, sinh năm 1993 và chị Bùi Thùy L3, sinh năm 1998. Hiện chồng con của bà Phương đều đang sinh sống tại thôn C, xã H2, huyện K, tỉnh H1.

Hiện tại, gia đình bà M đang thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến đất đai nên, do vậy để có cơ sở pháp lý hoàn thiện các thủ tục này cũng như để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người có liên quan, bà M đề nghị Tòa án tuyên bố cụ Đỗ Xuân P đã chết theo quy định của pháp luật và lấy ngày chết của cụ P là ngày cụ P biệt tích: Ngày 15/6/1975 (âm lịch) tức ngày 23/7/1975 (dương lịch).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T1, bà Đỗ Thị M1, ông Đỗ Xuân Hà, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị H4, ông Bùi Đình B1, chị Bùi Thị Kiều L2 và chị Bùi Thùy L3 đều trình bày quan điểm nhất trí với trình bày và yêu cầu của bà M về việc đề nghị Tòa án N dân huyện K tuyên bố cụ Đỗ Xuân P đã chết.

***Tại phiên họp hôm nay:***

- Người yêu cầu bà Đỗ Thị M và tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T1, bà Đỗ Thị M1, ông Đỗ Xuân Hà, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị H4, ông Bùi Đình B1, chị Bùi Thị Kiều L2 và chị Bùi Thùy L3 đều có đơn xin vắng mặt.

***Đại diện viện kiểm sát N dân huyện K P biểu quan điểm:***

+ ***Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký:*** Đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của BLTTDS năm 2015 kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm ra quyết định giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của

các đương sự trong quá trình giải quyết việc dân sự cũng đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ **Về đường lối giải quyết:** Căn cứ: Khoản 4 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 367, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 68; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án N dân huyện K chấp nhận yêu cầu của bà M và ra quyết định tuyên bố cụ Đỗ Xuân P đã chết. Ngày chết được xác định là ngày 15/6/1975 (âm lịch) tức ngày 23/7/1975 (dương lịch). Miễn toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự cho bà M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án N dân huyện K nhận định:

**[1] Về quyền yêu cầu:** Bà Đỗ Thị M là con gái của cụ Đỗ Xuân P nên bà M có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố cụ Đỗ Xuân P đã chết.

**[2] Về thẩm quyền:** Cụ Đỗ Xuân P là người bị yêu cầu tuyên bố đã chết, có nơi cư trú cuối cùng tại xã H2, huyện K. Căn cứ khoản 4 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện K.

**[3] Về thủ tục tố tụng:** Người yêu cầu bà Đỗ Thị M và tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T1, bà Đỗ Thị M1, ông Đỗ Xuân H3, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị H4, ông Bùi Đình B1, chị Bùi Thị Kiều L2 và chị Bùi Thùy L3 đều có đơn xin vắng mặt. Nên Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp theo quy định Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[4] Xét yêu cầu của đương sự:**

Trình bày của bà M về việc cụ P biệt tích từ ngày 15/6/1975 (âm lịch) tức ngày 23/7/1975 (dương lịch) phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được như: lời khai của tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết quả xác M1 tại thôn C, UBND xã H2, Công an xã H2. Tuy nhiên, để có căn cứ vững chắc, Tòa án N dân huyện K đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố đã chết số 07/2021/QĐ-TA, ngày 08/10/2021, đăng thông tin trên báo Công lý trong 03 số liên tiếp, vào các ngày 13/10/2021, 15/10/2021; 20/10/2021; P thông tin trên sóng P T1 hàng ngày của Đài tiếng nói Việt Nam VOV2 trong 03 ngày liên tiếp, vào các ngày 15/10/2021; 16/10/2021; 17/10/2021. Kết thúc thời hạn 04 tháng thông báo kể từ ngày đăng, P thông báo đầu tiên (ngày 13/10/2021) nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc cụ Đỗ Xuân P còn sống. Do đó, yêu cầu của bà Đỗ Thị M về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố cụ Đỗ Xuân P đã chết là có căn cứ, phù hợp với quy định.

**[5] Về xác định ngày chết của cụ Đỗ Xuân P:** Theo quy định tại khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 71 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Tòa án xác định ngày chết của cụ Đỗ Xuân P là ngày cụ biệt tích (ngày 23/7/1975).

**[6] Về hậu quả pháp lý của việc cụ Đỗ Xuân P bị tuyên bố là đã chết:** Khi quyết định của Tòa án tuyên bố cụ Đỗ Xuân P đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn N, gia đình, các quan hệ N thân khác và quan hệ về tài sản của cụ Đỗ Xuân P được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của cụ Đỗ Xuân P được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

**[7]** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện K tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

**[8] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:** Bà Đỗ Thị M có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm do bà M thuộc đối tượng người cao tuổi nên căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm cho bà M.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 4 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 367, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 68; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị M.
2. Tuyên bố: Cụ Đỗ Xuân P, sinh năm 1926; Nơi cư trú cuối cùng tại: thôn C, xã H2, huyện K, tỉnh H1 đã chết.
3. Ngày chết của cụ Đỗ Xuân P được xác định là ngày 23 tháng 7 năm 1975 (tức ngày 15/6/1975 âm lịch).
4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật thì các quan hệ về hôn N gia đình và các quan hệ N thân khác của cụ Đỗ Xuân P được giải quyết như đối với một người đã chết. Quan hệ tài sản của cụ Đỗ Xuân P được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của cụ Đỗ Xuân P được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.
5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Đỗ Thị M được miễn nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh H1;
- Chi cục THADS huyện K;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã H2;
- Lưu HS việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA  
PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Thu H**